TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ 2 - Năm học 2019-2020

Môn học: Tin học **Số tín chỉ: 03**

GVGD: Nguyễn Thị Thu Cúc **Lớp: CCQ1910MN**

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	QT	Ghi chú
1	2119100418	Trần Thúy	An	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	6.0	7.2	8.0	7.3	
2	2119100453	Trần Quốc	Bảo	CCQ1910N	Kế toán N	9.5	9.5	9.4	9.8	9.6	
3	2119100478	Phan Thị Ngọc	Diểm	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	6.0	8.3	9.8	8.3	
4	2119100419	Huỳnh Thị Thùy	Diện	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	9.0	8.9	8.8	9.0	
5	2119100420	Phan Thị	Hằng	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	6.5	8.9	9.8	8.6	
6	2119100421	Lê Thị	Hiền	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	5.5	3.3	7.5	5.7	
7	2119100482	Huỳnh Thị Mỹ	Hiệp	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	6.0	6.1	9.3	7.4	
8	2119100481	Trần Nguyễn Minh	Hiếu	CCQ1910N	Kế toán N	8.5	6.5	5.6	9.8	7.4	
9	2119100456	Đinh Thị Thiên	Hoa	CCQ1910N	Kế toán N	9.5	6.0	9.4	8.8	8.3	
10	2119100422	Phan Thị Ngọc	Hoa	CCQ1910M	Kế toán M	7.0	7.5	8.3		5.2	Thiếu bài KT
11	2119100423	Nguyễn Văn	Hòa	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	8.0	7.2	8.8	8.1	
12	2119100424	Nguyễn Thị Thanh	Hương	CCQ1910M	Kế toán M	9.5	7.0	7.8	7.5	7.6	
13	2119100483	Nguyễn Thị Xuân	Hương	CCQ1910N	Kế toán N	9.5	6.5	6.1	9.8	7.7	
14	2119100425	Lê Thị	Hường	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	7.5	8.9	9.8	8.9	
15	2119100458	Thuận Hải	Hường	CCQ1910N	Kế toán N	9.0	6.0	6.1	8.8	7.2	
16	2119100426	Phạm Thị Thúy	Kiều	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	8.0	8.3	9.8	8.8	
17	2119100459	Lê Thị	Lành	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	7.5	8.3	9.0	8.4	
18	2119100427	Đặng Thị Trúc	Linh	CCQ1910M	Kế toán M	9.5	6.0	6.7	5.0	6.1	

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	QT	Ghi chú
19	2119100460	Nguyễn Thị Kiều	Mai	CCQ1910N	Kế toán N	9.5	7.5	9.4	9.8	9.0	
20	2119100485	Nguyễn Thị	Nga	CCQ1910N	Kế toán N	5.5	6.0			2.0	Thiếu bài KT
21	2119100428	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	10.0	9.4	9.8	9.7	
22	2119100461	Nguyễn Đức	Nguyện	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	6.0	7.2	9.8	7.9	
23	2119100430	Nguyễn Thị	Nhật	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	6.0	2.2	8.5	5.8	
24	2119100431	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	6.0	7.2	9.8	7.9	
25	2119100492	Trần Nguyễn Nhật	Phương	CCQ1910N	Kế toán N	9.5	6.5	7.2	9.8	8.0	
26	2119100488	Nguyễn Thị Thu	Phượng	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	6.0	5.0	9.8	7.2	
27	2119100433	Đoàn Thị Như	Quỳnh	CCQ1910M	Kế toán M	9.0	6.0	7.2	5.0	6.3	
28	2119100464	Nguyễn Thị Hồng	Sang	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	6.5	6.1	8.8	7.4	
29	2119100434	Đoàn Đức	Tâm	CCQ1910M	Kế toán M	9.0	8.0	8.3	9.8	8.8	
30	2119100436	Mai Lâm Trúc	Thạo	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	6.0	6.7	8.8	7.4	
31	2119100437	Nguyễn Thị	Thâu	CCQ1910M	Kế toán M	9.0	6.0	7.2	8.8	7.5	
32	2119100465	Đỗ Thị Cẩm	Thi	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	6.5	8.9	9.8	8.6	
33	2119100438	Trần Thị Thu	Hiền	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	8.3	8.9	9.8	9.1	
34	2119100439	Đặng Thị Kim	Thoa	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	6.0	6.7	8.0	7.2	
35	2119100440	Trần Thị	Thu	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	7.0	8.9	8.8	8.4	
36	2119100466	Bùi Ngọc Anh	Thư	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	6.0	8.9	8.5	8.1	
37	2119100444	Nguyễn Lê Đoan	Trang	CCQ1910M	Kế toán M	9.0	7.5	7.8	9.8	8.5	
38	2119100443	Nguyễn Thị Bảo	Trang	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	7.5	8.9	9.8	8.9	
39	2119100445	Lê Thị	Trâm	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	7.8	6.7	8.5	7.8	
40	2119100447	Báo Thị Hoa	Trúc	CCQ1910M	Kế toán M	9.5	7.0	7.8	9.5	8.3	
41	2119100449	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	7.0	8.9	8.8	8.4	
42	2119100448	Nguyễn Thị Như	Tuyền	CCQ1910M	Kế toán M	10.0	7.8	8.9	8.8	8.6	
43	2119100468	Nguyễn Thị	Tuyết	CCQ1910N	Kế toán N	10.0	7.0	8.9	8.0	8.2	
44	2119100450	Lưu Thị	Uyên	CCQ1910M	Kế toán M	5.0	6.0			1.9	Thiếu bài KT